HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THỦY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/NQ-HĐND	*Bình Thủy, ngày 10 tháng 3 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách phường Bình Thủy năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THỦY
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Thủy;

Căn cứ Công văn số 02/TTHĐND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Thủy.

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-BKTNS ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2025 của phường Bình Thủy, với các nội dung như sau:

Đơn vị tính: đồng

A. PHẦN THU:

	*** Tổng nguồn thu ngân sách địa phương:**	**257.968.399.674**
I.	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	39.487.604.787
II.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	206.468.510.158
III.	Thu kết dư:	2.257.514.440
IV.	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:	9.754.770.289
B.	**PHẦN CHI:**	
	*** Tổng chi ngân sách địa phương:**	**242.579.836.059**
I.	Chi đầu tư phát triển:	-
II.	Chi thường xuyên:	213.128.837.730
III.	Chi chuyển nguồn sang năm sau:	28.604.456.329
1.	*Chi đầu tư phát triển*	-
2.	*Chi thường xuyên*	*28.604.456.329*
IV.	Chi nộp ngân sách cấp trên:	846.542.000
C.	**KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM 2025**	**15.388.563.615**

(Thu: 257.968.399.674 đồng - chi: 242.579.836.059 đồng)

(Chi tiết theo biểu số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 56 và 57)

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Giao Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy thực hiện công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 theo quy định. Trường hợp số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền đề nghị điều chỉnh thì Ủy ban nhân dân phường thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy khóa XII, kỳ họp thứ Năm, thông qua và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2026./.

Nơi nhận:
- HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng HĐND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Thường trực UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, ngành phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT. DL

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D PHƯỜNG BÌNH THỦY T.P CẦN THƠ

Phan Thị Nguyệt

Biểu mẫu số 48

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**233.086.148.549**	**257.968.399.674**	**24.882.251.125**	**110,68%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**8.782.000.000**	**39.487.604.787**	**30.705.604.787**	**449,64%**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	810.000.000	1.525.926.921	715.926.921	188,39%
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	7.972.000.000	37.961.677.866	29.989.677.866	476,19%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**212.290.154.109**	**206.468.510.158**	**-5.821.643.951**	**97,26%**
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	130.702.000.000	130.702.000.000	-	100,00%
	Thu bổ sung có mục tiêu	81.588.154.109	75.766.510.158	-5.821.643.951	92,86%
III	**Thu kết dư**	**2.257.514.440**	**2.257.514.440**		**100,00%**
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**9.756.480.000**	**9.754.770.289**	**-1.709.711**	**99,98%**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**230.828.634.109**	**242.579.836.059**	**11.751.201.950**	**105,09%**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**149.240.480.000**	**139.663.252.646**	**-9.577.227.354**	**93,58%**
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên	146.505.480.000	139.663.252.646	-6.842.227.354	95,33%
	Trong đó: chi từ nguồn dự toán năm trước mang sang năm 2025	*9.756.480.000*	*6.294.183.716*	*-3.462.296.284*	*64,51%*
3	Dự phòng ngân sách	2.735.000.000		-2.735.000.000	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**81.588.154.109**	**73.465.585.084**	**-8.122.569.025**	**90,04%**
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên	81.588.154.109	73.465.585.084	-8.122.569.025	90,04%
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**		**28.604.456.329**	**28.604.456.329**	
1	Chi đầu tư phát triển			0	
2	Chi thường xuyên		28.604.456.329	28.604.456.329	
IV	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**846.542.000**	**846.542.000**	
C	**KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**		**15.388.563.615**	**15.388.563.615**	

Biểu mẫu số 49

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3
I	**Nguồn thu ngân sách**	**233.086.148.549**	**257.968.399.674**	**110,68%**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	8.782.000.000	39.487.604.787	449,64%
	- Thu thuế, lệ phí và các khoản thu khác	*8.782.000.000*	*39.487.604.787*	*449,64%*
	- Thu viện trợ			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	212.290.154.109	206.468.510.158	97,26%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*130.702.000.000*	*130.702.000.000*	*100,00%*
	- Bổ sung có mục tiêu	*81.588.154.109*	*75.766.510.158*	*92,86%*
3	Thu kết dư	2.257.514.440	2.257.514.440	100,00%
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.756.480.000	9.754.770.289	99,98%
II	**Chi ngân sách**	**230.828.634.109**	**242.579.836.059**	**105,09%**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	230.828.634.109	213.128.837.730	92,33%
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau		28.604.456.329	
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		846.542.000	
III	**Kết dư (I - II)**		**15.388.563.615**	

Biểu mẫu số 50

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ (A+B+C)	**29.809.994.440**	**20.795.994.440**	**209.780.922.187**	**51.499.889.516**	**703,73%**	**247,64%**
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**17.796.000.000**	**8.782.000.000**	**197.768.637.458**	**39.487.604.787**	**1111,31%**	**449,64%**
I	**Thu nội địa**	**17.796.000.000**	**8.782.000.000**	**197.768.637.458**	**39.487.604.787**	**1111,31%**	**449,64%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý			17.200.000	-		
	- Thuế giá trị gia tăng			8.600.000	-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			8.600.000	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý			1.063.291.720	2.546.740		
	- Thuế giá trị gia tăng			542.319.484	2.546.740		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			520.972.236	-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				-		
	- Thuế giá trị gia tăng				-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.925.000.000	3.029.000.000	63.393.535.163	13.092.914.529	710,29%	432,25%
	- Thuế giá trị gia tăng	8.905.000.000	3.024.000.000	48.190.691.520	13.073.609.908	541,16%	432,33%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			14.022.375.111			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.000.000	5.000.000	86.924.226	19.304.621	434,62%	386,09%
	- Thuế tài nguyên			1.093.544.306			

TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.158.000.000	4.385.000.000	36.637.670.917	23.996.325.121	710,31%	547,24%
6	Thuế bảo vệ môi trường			-	-		
7	Lệ phí trước bạ			30.637.080.260			
8	Phí, lệ phí	755.000.000	755.000.000	1.188.516.250	791.624.250	157,42%	104,85%
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu			302.292.000			
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu	755.000.000	755.000.000	886.224.250	791.624.250	117,38%	104,85%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-	-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.788.000.000	558.000.000	3.359.759.354	869.891.476	120,51%	155,89%
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước						
12	Tiền sử dụng đất			58.534.920.599			
13	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước			-	-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-	-		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				-		
16	Thu khác ngân sách	170.000.000	55.000.000	2.936.663.195	734.302.671	1727,45%	1335,10%
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương	*115.000.000*		*2.063.083.680*		*1793,99%*	
B	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**	**2.257.514.440**	**2.257.514.440**	**2.257.514.440**	**2.257.514.440**	**100,00%**	**100,00%**
C	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC SANG**	**9.756.480.000**	**9.756.480.000**	**9.754.770.289**	**9.754.770.289**	**99,98%**	**99,98%**

Biểu mẫu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**230.828.634.109**	**242.579.836.059**	**105,09%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**149.240.480.000**	**139.663.252.646**	**93,58%**
I	**Chi đầu tư phát triển**			
II	**Chi thường xuyên**	**146.505.480.000**	**139.663.252.646**	**95,33%**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*111.092.922.127*	*110.175.423.746*	*99,17%*
2	*Chi khoa học và công nghệ*	-	-	
III	**Dự phòng ngân sách**	**2.735.000.000**		-
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**81.588.154.109**	**73.465.585.084**	**90,04%**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**81.588.154.109**	**73.465.585.084**	**90,04%**
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	81.588.154.109	73.465.585.084	90,04%
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**28.604.456.329**	
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên		28.604.456.329	
D	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**		**846.542.000**	

Biểu mẫu số 52

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**230.828.634.109**	**242.579.836.059**	**11.751.201.950**	**105,09%**
A	**CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC**	**230.828.634.109**	**213.128.837.730**	**-17.699.796.379**	**92,33%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	-	-	-	
II	**Chi thường xuyên**	**228.093.634.109**	**213.128.837.730**	**-14.964.796.379**	**93,44%**
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	115.327.605.813	113.496.451.774	*-1.831.154.039*	98,41%
	- Chi khoa học và công nghệ				
	- Chi quốc phòng	3.855.450.500	3.799.066.335	-56.384.165	98,54%
	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.002.282.000	2.932.465.335	-69.816.665	97,67%
	- Chi y tế dân số và gia đình				
	- Chi văn hóa thông tin	4.119.567.524	3.343.060.002	-776.507.522	81,15%
	- Chi phát thanh, truyền hình	505.134.017	445.660.130	-59.473.887	88,23%
	- Chi thể dục thể thao	1.847.233.260	1.613.351.600	-233.881.660	87,34%
	- Chi bảo vệ môi trường				
	- Chi các hoạt động kinh tế	26.160.328.614	23.897.644.964	-2.262.683.650	91,35%
	- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	52.461.319.065	49.690.036.590	-2.771.282.475	94,72%
	- Chi bảo đảm xã hội	17.639.514.000	13.883.201.000	-3.756.313.000	78,71%
	- Chi thường xuyên khác	3.175.199.316	27.900.000	-3.147.299.316	0,88%
III	**Dự phòng ngân sách**	**2.735.000.000**		**-2.735.000.000**	
B	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SÁU**		**28.604.456.329**	**28.604.456.329**	
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**		**846.542.000**	**846.542.000**	

Biểu mẫu số 53

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường		Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**230.829**		**230.829**	**242.580**		**242.580**	**105,09%**		**105,09%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**149.240**		**149.240**	**139.663**		**139.663**	**93,58%**		**93,58%**
I	**Chi đầu tư phát triển**									
II	**Chi thường xuyên**	**146.505**		**146.505**	**139.663**		**139.663**	**95,33%**		**95,33%**
	Trong đó:									
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*111.093*		*111.093*	*110.175*		*110.175*	*99,17%*		*99,17%*
2	*Chi khoa học và công nghệ*									
III	**Dự phòng ngân sách**	**2.735**		**2.735**						
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**81.588**		**81.588**	**73.466**		**73.466**	**90,04%**		**90,04%**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**									
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**81.588**		**81.588**	**73.466**		**73.466**	**90,04%**		**90,04%**
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	81.588		81.588	73.466		73.466	90,04%		90,04%
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**				**28.604**		**28.604**			
D	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**				**847**		**847**			

Biểu mẫu số 54

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán				Quyết toán					So sánh (%)				
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 5/1	11 = 6/2	12 = 7/3	13 = 8/4	14
	TỔNG SỐ	**226.007**	-	**226.007**	-	**215.432**	-	**213.131**	-	**2.301**	**95,32%**		**94,30%**		
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**223.272**		**223.272**		**215.432**		**213.131**		**2.301**	**96,49%**		**95,46%**		
1	Văn phòng Đảng ủy	9.683		9.683		8.915		8.915		-	92,07%		92,07%		
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	11.167		11.167		10.925		10.879		47	97,83%		97,42%		
3	Văn phòng HĐND và UBND	37.397		37.397		36.802		36.802		-	98,41%		98,41%		
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	27.757		27.757		27.655		25.462		2.193	99,63%		91,73%		
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	15.810		15.810		11.559		11.497		62	73,11%		72,72%		
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	912		912		906		906		-	99,33%		99,33%		
7	Trung tâm Văn hóa Thể thao và truyền thanh	5.902		5.902		5.240		5.240		-	88,78%		88,78%		
8	Trung tâm Chính trị	1.771		1.771		1.070		1.070		-	60,43%		60,43%		
9	Trường Mầm non Sơn Ca	5.225		5.225		5.211		5.211		-	99,74%		99,74%		
10	Trường Mầm non Họa Mi	5.359		5.359		5.334		5.334		-	99,54%		99,54%		
12	Trường Mầm non Phong Lan	6.118		6.118		6.070		6.070		-	99,22%		99,22%		
13	Trường Tiểu học Bình Thủy	11.981		11.981		11.926		11.926		-	99,54%		99,54%		
14	Trường Tiểu học Bình Thủy 2	11.221		11.221		11.216		11.216		-	99,95%		99,95%		
15	Trường Tiểu học An Thới 1	12.867		12.867		12.663		12.663		-	98,42%		98,42%		
16	Trường Tiểu học An Thới 2	14.212		14.212		14.158		14.158		-	99,62%		99,62%		
17	Trường Trung học cơ sở Bình Thủy	16.159		16.159		16.132		16.132		-	99,83%		99,83%		
18	Trường Trung học cơ sở An Thới	24.062		24.062		23.992		23.992		-	99,71%		99,71%		
19	Công an	30		30		30		30		-	100,00%		100,00%		
II	***CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH***	***2.735***		***2.735***											
III	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**														

Biểu mẫu số 56

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Trong đó		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	So sánh (%)
			Năm 2025	Nguồn năm trước chuyển sang												KTTC	Chi nông nghiệp, thủy lợi				
A	B	1 = 2+3	2	3	4=5+...+14+17+18+19	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20= 4/1
	TỔNG SỐ	**223.272**	**222.960**	**312**	**213.131**	**113.496**	**-**	**3.799**	**2.932**	**-**	**3.343**	**446**	**1.613**	**-**	**23.898**	**23.897**	**1**	**49.690**	**13.883**	**30**	**95,46%**
1	Văn phòng Đảng ủy	9.683	9.683	-	8.915													8.915			92,1%
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	11.167	11.167	-	10.879													10.879			97,4%
3	Văn phòng HĐND và UBND	37.397	37.320	77	36.802	79		3.799	2.932		78	15	25					24.527	5.347		98,4%
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	27.757	27.757	-	25.462										23.898	23.897	1	1.565			91,7%
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	15.810	15.810	-	11.497	18					34	11						2.898	8.536		72,7%
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	912	912	-	906													906			99,3%
7	Trung tâm Văn hóa Thể thao và truyền thanh	5.902	5.885	17	5.240						3.231	420	1.589								88,8%
8	Trung tâm Chính trị	1.771	1.763	8	1.070	1.070															60,4%
9	Trường Mầm non Sơn Ca	5.225	5.221	4	5.211	5.211															99,7%
10	Trường Mầm non Họa Mi	5.359	5.355	4	5.334	5.334															99,5%
12	Trường Mầm non Phong Lan	6.118	6.108	10	6.070	6.070															99,2%
13	Trường Tiểu học Bình Thủy	11.981	11.952	29	11.926	11.926															99,5%
14	Trường Tiểu học Bình Thủy 2	11.221	11.220	2	11.216	11.216															100,0%
15	Trường Tiểu học An Thới 1	12.867	12.788	78	12.663	12.663															98,4%

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Trong đó		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	So sánh (%)
			Năm 2025	Nguồn năm trước chuyển sang												KTTC	Chi nông nghiệp, thủy lợi				
A	B	1 = 2+3	2	3	4=5+...+14+17+18+19	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20= 4/1
16	Trường Tiểu học An Thới 2	14.212	14.202	10	14.158	14.158															99,6%
17	Trường Trung học cơ sở Bình Thủy	16.159	16.147	12	16.132	16.132															99,8%
18	Trường Trung học cơ sở An Thới	24.062	24.004	58	23.992	23.992															99,7%
19	Công an	30	30	-	30															30	100,0%

Biểu mẫu số 57

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm			Nguồn năm trước chuyển sang	Quyết toán	Trong đó		Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn năm trước chuyển sang		Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6	7	8	9=1+5-6	10	11
	TỔNG SỐ	**222.960**	**-**	**264.956**	**41.996**	**312**	**213.131**	**213.106**	**24**	**10.142**	**2.301**	**7.841**
1	Văn phòng Đảng ủy	9.683		17.734	8.050		8.915	8.915		768		768
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	11.167		13.527	2.359		10.879	10.879		288	47	242
3	Văn phòng HĐND và UBND	37.320		49.137	11.818	77	36.802	36.802		594		594
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	27.757		27.757			25.462	25.462		2.295	2.193	102
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	15.810		15.810			11.497	11.497		4.313	62	4.251
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	912		912			906	906		6		6
7	Trung tâm Văn hóa Thể thao và TT	5.885		5.885		17	5.240	5.223	17	662		662
8	Trung tâm Chính trị	1.763		1.763		8	1.070	1.063	8	701		701
9	Trường Mầm non Sơn Ca	5.221		6.369	1.148	4	5.211	5.211		13		13
10	Trường Mầm non Họa Mi	5.355		6.355	1.000	4	5.334	5.334		25		25
11	Trường Mầm non Bình Thủy	5.635		6.635	1.000	5	5.626	5.626		14		14
12	Trường Mầm non Phong Lan	6.108		7.348	1.240	10	6.070	6.070		48		48
13	Trường Tiểu học Bình Thủy	11.952		14.032	2.080	29	11.926	11.926		55		55
14	Trường Tiểu học Bình Thủy 2	11.220		13.140	1.920	2	11.216	11.216		5		5
15	Trường Tiểu học An Thới 1	12.788		14.875	2.087	78	12.663	12.663		203		203
16	Trường Tiểu học An Thới 2	14.202		16.442	2.240	10	14.158	14.158		54		54
17	Trường Trung học cơ sở Bình Thủy	16.147		19.108	2.960	12	16.132	16.132		27		27

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm			Nguồn năm trước chuyển sang	Quyết toán	Trong đó		Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn năm trước chuyển sang		Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6	7	8	9=1+5-6	10	11
18	Trường Trung học cơ sở An Thới	24.004		28.097	4.093	58	23.992	23.992		69		69
19	Công an	30		30			30	30		-		-